

GV: Lê thị Hoan. Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển

- Ngày soạn: 12/11/2025

- PPCT: Tiết 22,23

KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

BÀI 11: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế – xã hội.
- Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế – xã hội.
- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu

2. Về năng lực

* Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: thông qua việc thu thập thông tin và trình bày về các đặc điểm vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội của Đông Nam Á.
- Giao tiếp và hợp tác: thông qua thông qua các hoạt động nhóm và phương pháp dạy học thảo luận.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: thông qua các hoạt động nhận xét, đánh giá các đặc điểm về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội Đông Nam Á đã ảnh hưởng đến quá trình phát triển kt-xh của Đông Nam Á; đề xuất được giải pháp giải quyết.

* Năng lực đặc thù:

- Nhận thức khoa học Địa lí: Phân tích được các yếu tố của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đến quá trình phát triển kinh tế – xã hội.
- Tìm hiểu địa lí: Sử dụng các công cụ Địa lí học (bản đồ tự nhiên, bản đồ phân bố dân cư, tranh ảnh, bảng số liệu...), khai thác internet phục vụ môn học.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến tự nhiên, dân cư khu vực Đông Nam Á.

3. Về phẩm chất

- Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học.

- Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, thái độ tôn trọng những giá trị văn hoá khác nhau của khu vực Đông Nam Á.
- Hình thành tình yêu quê hương đất nước, có thái độ làm việc nghiêm túc và tinh thần phát triển kinh tế cho địa phương, đất nước và khu vực.
- Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Bản đồ tự nhiên, bản đồ phân bố dân cư khu vực Đông Nam Á.
- Video, tranh ảnh về vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, dân cư, xã hội của khu vực Đông Nam Á.
- Phiếu đánh giá sản phẩm nhóm.

2. Học sinh

- SGK, giấy note
- Tài liệu tham khảo có liên quan đến bài học.
- Số liệu mới về dân số Đông Nam Á.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Mở đầu (3-5 phút)

1. Mục tiêu

- Tạo kết nối giữa kiến thức, kinh nghiệm của HS về tự nhiên, dân cư khu vực Đông Nam Á ở cấp học dưới với bài học.
- Tạo hứng thú, kích thích sự tìm tòi, tò mò của HS.

2. Nội dung

- Liệt kê 3 điều hiểu biết của bản thân về khu vực Đông Nam Á.

3. Sản phẩm

Học sinh tích cực thể hiện sự hiểu biết của bản thân về Đông Nam Á.

4. Tổ chức thực hiện:

* Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV tổ chức cho HS làm việc toàn lớp, yêu cầu HS chia sẻ 3 điều hiểu biết của bản thân về khu vực Đông Nam Á.
- GV có thể gợi ý HS các điều có thể là: các quốc gia Đông Nam Á lục địa hoặc Đông Nam Á hải đảo, những cảnh đẹp, những nét đẹp về văn hoá – xã hội, các thành phố lớn, tập tục xã hội độc đáo...
- GV sử dụng kỹ thuật “Chúng em biết 3” khi tiến hành hoạt động này và khuyến khích HS đưa ra ý kiến cá nhân, mọi ý kiến đều được chấp nhận, không đánh giá bất kì ý kiến nào, có thể có ý kiến đúng, chưa đúng, HS sẽ tìm được câu trả lời đúng sau khi học bài mới. Sau khi HS trả lời, GV dẫn dắt vào bài mới.

* Thực hiện nhiệm vụ:

- HS note trên giấy nháp các ý chính cho phần trả lời (1 phút)

* Báo cáo, thảo luận:



- GV dùng thẻ bài/vòng quay số...để gọi HS bất kỳ trình bày quan điểm của mình về vấn đề nêu trên (khoảng 3-5 em).
- Các em còn lại có thể bổ sung những điều thú vị khác (GV lưu ý thời gian để điều phối hợp lý)
- * **Kết luận, nhận định:**
- GV kết luận và dẫn dắt vào bài mới.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về phạm vi lãnh thổ và vị trí địa lí

1. Mục tiêu

- Phân tích được ảnh hưởng của phạm vi lãnh thổ và vị trí địa lí đến phát triển kinh tế - xã hội.
- Xác định được vị trí của khu vực và kể tên các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á

2. Nội dung

Đọc thông tin mục I và hình 11.1, kết hợp hiểu biết của bản thân, hãy:

- Nêu đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của khu vực Đông Nam Á.
- Xác định các quốc gia, khu vực, các biển và đại dương tiếp giáp khu vực Đông Nam Á.
- Phân tích những thuận lợi và khó khăn của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đến phát triển kinh tế – xã hội của khu vực.

3. Sản phẩm

Câu trả lời của HS

4. Tiến trình hoạt động:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- HS làm việc theo cặp, viết ra các câu khái quát về đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của khu vực Đông Nam Á.

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS đọc thông tin mục I SGK/Tr118 và quan sát hình 26.1 (2 phút)
- Trả lời câu hỏi vào giấy nháp (2 phút)

*** Báo cáo, thảo luận:**

- GV cho bất thăm/chỉ định một số cặp HS chia sẻ ý kiến và mời một số HS nhận xét ý kiến của nhóm bạn trước lớp.

*** Kết luận, nhận định:**

- GV đánh giá và chuẩn kiến thức ghi bài

I. PHẠM VI LÃNH THỔ VÀ VỊ TRÍ ĐỊA LÍ

- **Phạm vi lãnh thổ:** Khu vực Đông Nam Á bao gồm 11 quốc gia, có diện tích khoảng 4,5 triệu km², bao gồm hai bộ phận: Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo.
- **Vị trí địa lí:**
 - + Nằm ở phía đông nam của châu Á, phần đất trong khoảng vĩ độ từ 28°B đến 10°N; phía bắc giáp khu vực Đông Á, phía tây giáp khu vực Nam Á và vịnh Ben-gan, phía đông giáp Thái Bình Dương, phía nam giáp Ô-xtrây-li-a và Ấn Độ Dương.

+ Là cầu nối giữa lục địa Á – Âu với lục địa Ô-xtrây-li-a, nơi giao thoa giữa các luồng sinh vật và các vành đai sinh khoáng.

- Ảnh hưởng:

+ Tài nguyên thiên nhiên phong phú, thuận lợi cho giao lưu, phát triển kinh tế nhưng cũng là khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của các thiên tai như bão, động đất, núi lửa, sóng thần,...

+ Có nhiều tuyến đường biển quốc tế quan trọng đi qua, đặc biệt có eo biển Ma-lắc-ca là một trong những đầu mối hàng hải lớn, góp phần vận chuyển hàng hoá từ châu Âu, châu Phi, Nam Á, Tây Nam Á đến Đông Á và ngược lại.

+ Có vị trí địa – chính trị quan trọng, là nơi giao thoa của các nền văn hoá lớn khiến khu vực có nền văn hoá đa dạng và đặc sắc, đồng thời ảnh hưởng trực tiếp đến vấn đề bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc phòng trong khu vực.

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên (15 phút)

1. Mục tiêu:

- HS trình bày được đặc điểm nổi bật của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của khu vực Đông Nam Á.

- Phân tích được ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến sự phát triển kinh tế – xã hội của các quốc gia khu vực Đông Nam Á.

- Đọc được bản đồ tự nhiên khu vực Đông Nam Á và rút ra nhận xét về điều kiện tự nhiên của khu vực Đông Nam Á.

2. Nội dung:

Đọc thông tin Mục II và quan sát hình 11.1, hoàn thành PHT sau:

ĐKTN&TNTN	ĐẶC ĐIỂM	ẢNH HƯỞNG
1. Địa hình, đất		
2. Khí hậu		
3. Sông, hồ		
4. Sinh vật		
5. Khoáng sản		
6. Biển		

3. Sản phẩm:

PHT của các nhóm

4. Tiến trình hoạt động:

* Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV chia lớp thành 8 nhóm và phát PHT
- HS ổn định vị trí nhóm theo sơ đồ và thảo luận nhóm bằng kỹ thuật “khăn trải bàn”

* Thực hiện nhiệm vụ:

- HS đọc thông tin mục II SGK/Tr 47 và quan sát hình 11.1, note ý kiến cá nhân (3 phút)
- Thảo luận nhóm và thống nhất điền thông tin vào PHT.

* Báo cáo, thảo luận:

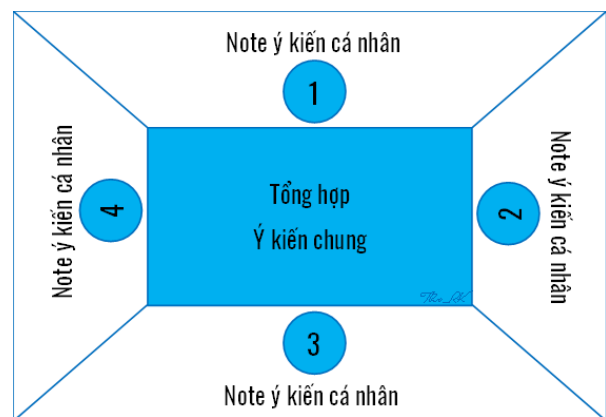
- Sử dụng kỹ thuật phòng tranh để trình bày sản phẩm.
- GV dùng thẻ bài/vòng quay số...gọi 2 nhóm trình bày.
- Các nhóm khác so sánh, nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Kết luận, nhận định:

- GV cho các nhóm chấm điểm chéo



Hình 11.1. Bản đồ tự nhiên khu vực Đông Nam Á



Tiêu chí	Điểm								
	Chuẩn	N1	N2	N3	N4	N5	N6	N7	N8
Hoàn thành các tiêu đề PHT	4								
Trình bày ngắn gọn, dễ hiểu	2								
Hình thức đẹp, rõ ràng	2								
Hoàn thành đúng thời gian	2								
Tổng	10								

- GV tổng kết, khen ngợi, chuẩn kiến thức ghi bài và chuyển hoạt động tiếp theo

ĐKTN&TNTN	ĐẶC ĐIỂM	ẢNH HƯỞNG
1. Địa hình, đất	- Khu vực Đông Nam Á lục địa: Địa hình bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi chạy theo hướng tây bắc - đông nam hoặc bắc – nam. Ngoài ra, còn có các đồng bằng châu thổ do sông lớn bồi đắp và mở rộng về phía biển. Đất chủ yếu là đất feralit ở miền đồi núi và đất phù sa ở các đồng bằng.	- Địa hình bị chia cắt, gây khó khăn cho giao lưu kinh tế; đồng bằng với đất phù sa màu mỡ thuận lợi phát triển nền nông với cơ cấu cây. trong đa dạng. - Đất khá màu mỡ, thuận lợi cho trồng các cây công nghiệp.

	- Khu vực Đông Nam Á hải đảo: - Địa hình chủ yếu là núi trẻ với nhiều núi lửa; các đồng bằng phần lớn nhỏ hẹp nằm ven biển, một số đồng bằng lớn có ở các đảo Ca-li-man-tan, Xu-ma-tra, Niu Ghi-nê.....	
2. Khí hậu	– Đại bộ phận nằm trong các đới khí hậu xích đạo và nhiệt đới, có nhiệt độ cao (trung bình từ 21°C đến 27°C), độ ẩm lớn (trên 80%), lượng mưa nhiều (trung bình từ 1.000 mm đến 2.000 mm). – Đông Nam Á lục địa chủ yếu có kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa. Đông Nam Á hải đảo có khí hậu nhiệt đới gió mùa, khí hậu xích đạo và cận xích đạo. Ngoài ra, khí hậu có sự phân hóa theo đai cao.	- Thuận lợi cho phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, du lịch và cư trú. - Chịu ảnh hưởng của thiên tai như bão, áp thấp nhiệt đới, lũ lụt... Biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng đang trực tiếp ảnh hưởng đến nhiều quốc gia, đặc biệt ở các khu vực ven biển.
3. Sông, hồ	- Đông Nam Á lục địa có mạng lưới sông ngòi dày đặc với nhiều sông lớn như: sông Mê Công, sông I-ra-oa-đi, sông Hồng, sông Mê Nam... Chế độ nước sông theo mùa. Các sông ở Đông Nam Á hải đảo thường ngắn và có nhiều nước. - Đông Nam Á có nhiều hồ tự nhiên, trong đó hồ Tông-lê Sáp (Campuchia) là hồ nước ngọt lớn nhất khu vực, ngoài ra còn có hồ In-lê (Mi-an-ma), hồ Tô-ban-đô-nê-xi-a).	– Các sông có vai trò cung cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất và là địa bàn đánh bắt, nuôi trồng thủy sản; một số sông thuận lợi cho giao thông đường thủy phát triển, tiềm năng lớn về thủy điện.... - Các hồ có vai trò điều tiết dòng chảy, là nơi trữ nước ngọt cho sinh hoạt và sản xuất, mặt nước cho hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản, nhiều hồ có cảnh quan đẹp thuận lợi để phát triển du lịch....
4. Sinh vật	- Đông Nam Á là khu vực có tài nguyên sinh vật và mức độ đa dạng sinh học phong phú bậc nhất thế giới. Diện tích rừng nhiệt đới	- Cung cấp nguồn nguyên liệu cho các ngành kinh tế, đặc biệt là ngành công nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ. Tuy

	của Đông Nam Á khoảng 2 triệu km ² với hai hệ sinh. thái chính là rừng mưa nhiệt đới và rừng nhiệt đới gió mùa. Trong rừng có nhiều loại gỗ quý, trữ lượng lớn như đang lim, nghiến, táu; các loại dược liệu....	nhiên, tài nguyên sinh vật trong khu vực bị khai thác quá mức trở thành vấn đề cấp bách tại nhiều quốc gia.
5. Khoáng sản	Tài nguyên khoáng sản của khu vực đa dạng, nhiều loại có trữ lượng lớn như thiếc (đứng đầu thế giới), than đá, sắt, bô-xít, dầu mỏ, khí tự nhiên,...	Cung cấp nguyên, nhiên liệu cho nhiều ngành công nghiệp: nhiệt điện, luyện kim, hoá dầu... và tạo ra nguồn hàng xuất khẩu có giá trị cho nhiều nước.
6. Biển	Đông Nam Á có vùng biển rộng lớn thuộc Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương; vùng biển giàu hải sản, khoáng sản, có nhiều bãi biển đẹp, nhiều vịnh biển.	Tạo thuận lợi cho hầu hết các quốc gia trong khu; vực phát triển các ngành kinh tế biển.

Hoạt động 2.3 Tìm hiểu dân cư và xã hội (15 phút)

1. Mục tiêu:

- Nêu được một số đặc điểm nổi bật của dân cư, xã hội khu vực Đông Nam Á.
- Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế – xã hội khu vực Đông Nam Á.
- Đọc được bảng số liệu quy mô, cơ cấu và tỉ lệ tăng tự nhiên của dân số khu vực Đông Nam Á giai đoạn 2000 – 2020, bản đồ phân bố dân cư khu vực Đông Nam Á năm 2020. **2.**

Nội dung:

Đọc thông tin mục 1 và dựa vào hình 11.4, 11.5; bảng 11.1, hãy:

- + Cho biết đặc điểm của dân cư khu vực Đông Nam Á (quy mô và gia tăng, cơ cấu dân số, dân tộc, phân bố dân cư, đô thị hoá).
- + Phân tích tác động của các đặc điểm dân cư tới phát triển kinh tế – xã hội khu vực.

3. Sản phẩm:

Câu trả lời của HS

4. Tiến trình hoạt động:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu giữ vị trí các nhóm ở hoạt động 2.2, đọc thông tin, mục III và dựa vào hình 11.4, 11.5; bảng 11.1, 11.2 thảo luận bằng kỹ thuật “động não viết”

- Các nhóm có thể thực hiện các cuộc nói chuyện bằng giấy bút cả khi làm bài trong nhóm. Sản phẩm có thể có dạng một bản đồ trí tuệ.

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- GV đặt trên bàn mỗi nhóm 1-2 tờ giấy để ghi các ý tưởng, đề xuất của các thành viên;

- Mỗi một thành viên viết những ý nghĩ của mình trên các tờ giấy đó;

- Có thể tham khảo các ý kiến khác đã ghi trên giấy của các thành viên khác để tiếp tục phát triển ý nghĩ;

- Sau khi thu thập xong ý tưởng thì đánh giá các ý tưởng trong nhóm.

*** Báo cáo, thảo luận:**

- GV dùng thẻ bài/vòng quay số...gọi 2 nhóm trình bày.

- Các nhóm khác so sánh, nhận xét, bổ sung (nếu có).

*** Kết luận, nhận định:**

- GV cho các nhóm chấm điểm chéo



Hình 11.4. Bản đồ phân bố dân cư khu vực Đông Nam Á năm 2020

Tiêu chí	Điểm								
	Chuẩn	N1	N2	N3	N4	N5	N6	N7	N8
Hoàn thành 3 câu hỏi	4								
Trình bày ngắn gọn, dễ hiểu	2								
Huy động được tất cả các thành viên tham gia (nhận dạng chữ viết)	2								
Hoàn thành đúng thời gian	2								
Tổng	10								

- GV tổng kết, khen ngợi, chuẩn kiến thức ghi bài và chuyên hoạt động tiếp theo

III - Dân cư và xã hội

1. Dân cư

- Qui mô: có số dân đông, chiếm 8,6% số dân thế giới (năm 2020).

- Tỷ lệ tăng tự nhiên: có xu hướng giảm nhưng vẫn còn ở mức cao → tạo nên thị trường tiêu thụ lớn, thu hút các nhà đầu tư, thúc đẩy kinh tế phát triển nhưng cũng là sức ép đối với nhiều nước trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo vệ môi trường và giải quyết việc làm.

- Cơ cấu giới tính: tương đối cân bằng; cơ cấu dân số trẻ, một số quốc gia đang trong quá trình già hoá dân số → nguồn lao động dồi dào, nhưng đặt ra các vấn đề về an sinh xã hội và chăm sóc y tế,...

- Dân tộc: có nhiều nhóm khác nhau → sự phong phú trong văn hoá, tập quán sản xuất.
- Phân bố dân cư: đông đúc, mật độ dân số trung bình là khoảng 149 người/km² (năm 2020) nhưng không đều giữa đồng bằng và miền núi, giữa các quốc gia → chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế.
- Tỷ lệ dân thành thị: chưa cao (năm 2020 là 49,9%), có sự phân hoá giữa các quốc gia → đô thị là nơi thu hút dân cư và lao động, thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tuy nhiên, một số đô thị không cung cấp đủ việc làm, nơi ở, các dịch vụ cơ bản, hệ thống giao thông và cơ sở hạ tầng bị quá tải.

2. Xã hội

- Phong tục, tập quán, sinh hoạt văn hoá của người dân các nước Đông Nam Á có nhiều nét tương đồng → thuận lợi để các quốc gia hợp tác cùng phát triển.
- Đông Nam Á có sự xuất hiện của hầu hết các tôn giáo lớn trên thế giới như: Thiên chúa giáo, Phật giáo, Hồi giáo, Ấn Độ giáo,... → nền văn hoá độc đáo nhưng cũng tiềm ẩn những khó khăn do sự khác biệt về tôn giáo.
- Mức sống của người dân các nước trong khu vực và giữa các bộ phận dân cư trong một nước vẫn còn chênh lệch nhiều Xin-ga-po, Bru-nây là những nước có mức sống cao nhất trong khu vực.
- Tình hình chính trị, xã hội tương đối ổn định là điều kiện thuận lợi để giao lưu hợp tác và phát triển kinh tế – xã hội.

Hoạt động 3: Luyện tập

1. Mục tiêu:

- củng cố kiến thức lí thuyết của bài.
- Rèn luyện kĩ năng nhận xét bảng số liệu

2. Nội dung:

Tổ chức cuộc thi “Đại sứ Đông Nam Á”.

3. Sản phẩm:

HS tham gia cuộc thi “Đại sứ Đông Nam Á”.

4. Tiến trình hoạt động:

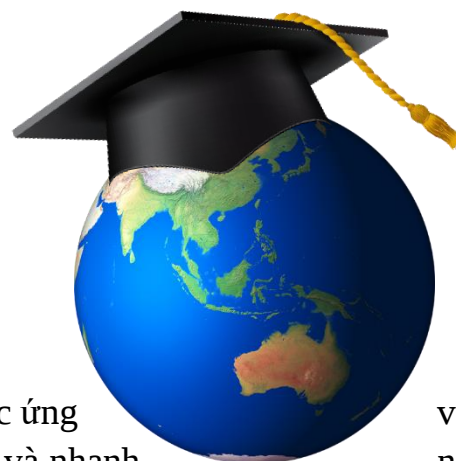
* Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV triển khai luật chơi: Có ... câu hỏi thử thách cho các ứng viên làm “Đại sứ Đông Nam Á”. Ai trả lời đúng nhiều nhất và nhanh nhất người đó sẽ được trao tặng danh hiệu “Đại sứ Đông Nam Á”.
- Thời gian suy nghĩ trả lời cho mỗi câu hỏi không quá 30 giây.

* Thực hiện nhiệm vụ:

- GV trình chiếu/đọc lần lượt các câu hỏi trước lớp. Sau hiệu lệnh “Hết” HS được quyền giơ tay trả lời. Trả lời đúng ghi điểm, trả lời sai mất lượt câu kế tiếp.
- HS tiến hành chơi

* Báo cáo, thảo luận:



viên
nhất

- GV chiếu/công bố kết quả
- GV yêu cầu thêm: Hãy nhận xét/ kết nối các thông tin từ các câu trả lời thành một đoạn văn ngắn, trình bày về tự nhiên, dân cư và xã hội của Đông Nam Á.

*** Kết luận, nhận định:**

- GV tổng kết và chuyển qua hoạt động tiếp theo.

Hoạt động 4: Vận dụng/mở rộng

1. Mục tiêu:

Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí của khu vực Đông Nam Á, hệ thống hoá và trình bày theo chủ đề.

2. Nội dung:

Viết báo cáo ngắn về điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội của một nước ở khu vực Đông Nam Á mà em quan tâm.

3. Sản phẩm:

Bài báo cáo trên 1 mặt giấy tập. Hoặc có thể đánh máy khổ A4 (Không quá 2 trang), font Times New Roman, size 14, canh lề 4 phía 2cm.

4. Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà, gợi ý những nguồn thông tin để HS tham khảo.
- HS sưu tầm thông tin về điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội của một nước ở khu vực Đông Nam Á mà em quan tâm (tham khảo phụ lục 2)



PHỤ LỤC

1. Bộ câu hỏi phần luyện tập

Câu 1. Khu vực Đông Nam Á nằm ở

- A. phía đông nam châu Á.
- B. giáp với Đại Tây Dương.
- C. giáp lục địa Ô-xtrây-li-a.
- D. phía bắc nước Nhật Bản.

Câu 2. Toàn bộ lãnh thổ của khu vực Đông Nam Á nằm hoàn toàn trong

- A. khu vực xích đạo.
- B. vùng nội chí tuyến,
- C. khu vực gió mùa.
- D. phạm vi bán cầu Bắc.

Câu 3. Khu vực Đông Nam Á không nằm ở vị trí cầu nối giữa

- A. lục địa Á - Âu với lục địa Ô-xtrây-li-a.
- B. Ô-xtrây-li-a với các nước Đông Á.
- C. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

D. Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.

Câu 4. Về tự nhiên, có thể xem Đông Nam Á gồm các bộ phận

A. lục địa và biển đảo.

B. đảo và quần đảo.

C. đất liền và biển.

D. biển và các đảo.

Câu 5. Tự nhiên của Đông Nam Á lục địa có

A. nhiều dãy núi hướng tây bắc - đông nam.

B. nhiều đồi, núi và núi lửa; ít đồng bằng.

C. đồng bằng với đất từ dung nham núi lửa.

D. khí hậu nhiệt đới gió mùa và xích đạo.

Câu 6. Tự nhiên của Đông Nam Á biển đảo có

A. địa hình bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi.

B. hướng các dãy núi chủ yếu tây bắc - đông nam.

C. các đồng bằng phù sa do sông lớn bồi đắp nên.

D. nhiều quần đảo và hàng vạn đảo lớn, nhỏ.

Câu 7. Đông Nam Á biển đảo khác với Đông Nam Á lục địa ở đặc điểm

A. có khí hậu xích đạo.

B. có các dãy núi.

C. có các đồng bằng.

D. có đảo, quần đảo.

Câu 8. Đông Nam Á lục địa chủ yếu có khí hậu

A. nhiệt đới gió mùa.

B. cận xích đạo gió mùa.

C. á nhiệt đới gió mùa.

D. xích đạo gió mùa.

Câu 9. Đông Nam Á biển đảo chủ yếu có khí hậu

A. nhiệt đới gió mùa, xích đạo và cận xích đạo.

B. nhiệt đới lục địa, cận xích đạo và hải dương.

C. cận xích đạo gió mùa, cận nhiệt và ôn đới.

D. ôn đới hải dương, cận nhiệt gió mùa và nhiệt đới.

Câu 10. Nông nghiệp ở Đông Nam Á phát triển **không** phải do điều kiện

A. khí hậu nóng ẩm.

B. đất trồng đa dạng.

C. sông ngòi dày đặc.

D. địa hình nhiều núi.

Câu 11. Nguyên nhân chủ yếu nhất làm cho diện tích rừng ở các nước Đông Nam Á có nguy cơ bị thu hẹp là

- A.** khai thác không hợp lí và cháy rừng.
- B.** cháy rừng và phát triển nhiều thủy điện.
- C.** mở rộng đất trồng đồi núi và cháy rừng.
- D.** kết quả của việc trồng rừng còn hạn chế.

Câu 12. Đông Nam Á lục địa có nhiều đồng bằng phù sa màu mỡ là do

- A.** các sông lớn bồi đắp nhiều phù sa.
- B.** trầm tích biển tạo bồi lấp các đứt gãy.
- C.** dung nham núi lửa từ nơi cao xuống.
- D.** xâm thực vùng núi, bồi đắp vùng trũng.

Câu 13. Biểu hiện rõ rệt của biến đổi khí hậu ở một số đồng bằng châu thổ thấp tại Đông Nam Á là

- A.** xâm nhập mặn ngày càng sâu vào đồng bằng.
- B.** nguồn nước ngọt từ sông ngòi ngày càng ít đi.
- C.** mực nước ngầm hạ thấp, bề mặt đất bị sụt lún.
- D.** nguồn nước ngọt bị ô nhiễm ở nhiều khu dân cư.

Câu 14. Phát biểu nào sau đây đúng với dân cư Đông Nam Á hiện nay?

- A.** Tỉ suất sinh giảm, tỉ suất tử giảm.
- B.** Tỉ suất sinh tăng, tỉ suất tử tăng
- C.** Tỉ suất sinh giảm, tỉ suất tử tăng.
- D.** Tỉ suất sinh tăng, tỉ suất tử giảm.

Câu 15. Một trong những yếu tố gây khó khăn chủ yếu về quản lí, ổn định chính trị, xã hội ở một số nước Đông Nam Á là

- A.** một số dân tộc ít người phân bố rộng, không theo biên giới quốc gia.
- B.** có nhiều tôn giáo khác nhau trong nước cùng tồn tại lâu đời với nhau.
- C.** có nhiều giá trị văn hoá khác nhau cùng tồn tại và phát triển cùng nhau.
- D.** phong tục, tập quán, sinh hoạt của người dân có nhiều nét tương đồng.

- PPCT: Tiết 24,25

KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

BÀI 12: KINH TẾ KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung, sự phát triển các ngành kinh tế của khu vực Đông Nam Á.
- Đọc được bản đồ phân bố nông nghiệp và công nghiệp khu vực Đông Nam Á, rút ra nhận xét; phân tích được các bảng số liệu, biểu đồ.

2. Về năng lực

* *Năng lực chung:*

- Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* *Năng lực đặc thù:*

- Nhận thức khoa học Địa lí: Giải thích được tình hình phát triển kinh tế và sự phát triển của các ngành kinh tế của khu vực Đông Nam Á.
- Tìm hiểu địa lí: Sử dụng các công cụ Địa lí học (bản đồ phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; bản đồ phân bố công nghiệp khu vực Đông Nam Á; nhận xét, phân tích được các bảng số liệu thống kê; nhận xét và vẽ biểu đồ); khai thác internet phục vụ môn học.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến kinh tế khu vực Đông Nam Á.

3. Về phẩm chất

- Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học.
- Hình thành tình yêu quê hương đất nước, có thái độ làm việc nghiêm túc và tinh thần phát triển kinh tế cho địa phương, đất nước và khu vực.
- Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Bản đồ phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản khu vực Đông Nam Á năm 2020.
- Bản đồ phân bố công nghiệp khu vực Đông Nam Á năm 2020.
- Phiếu đánh giá sản phẩm nhóm.

2. Học sinh

- SGK, giấy note
- Tài liệu tham khảo có liên quan đến bài học.
- Số liệu mới về kinh tế Đông Nam Á.

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Mở đầu

1. Mục tiêu

- Tạo kết nối giữa kiến thức, kinh nghiệm của HS về kinh tế trên thế giới nói chung và khu vực Đông Nam Á nói riêng.
- Tạo hứng thú, kích thích sự tìm tòi, tò mò của HS.

2. Nội dung

Xem video <https://www.youtube.com/watch?v=9AhOR3GTmak>

Trả lời câu hỏi: *Em nhận định như thế nào về kinh tế của Đông Nam Á năm 2023?*

3. Sản phẩm

Câu trả lời của HS

4. Tổ chức thực hiện:

* Chuyển giao nhiệm vụ:

- Làm việc cá nhân.
- Xem video và trả lời câu hỏi.

* Thực hiện nhiệm vụ:

- HS xem video và note trên giấy nháp các ý chính cho phần trả lời (1 phút)

* Báo cáo, thảo luận:

- GV dùng thẻ bài/vòng quay số...để gọi HS bất kỳ trình bày quan điểm của mình về kinh tế ĐNA (khoảng 3-5 em).

* Kết luận, nhận định:

- GV không đánh giá đúng-sai nhận định của HS, khích lệ và dẫn dắt vào bài mới:

Các quốc gia tại Đông Nam Á có tốc độ tăng trưởng kinh tế khác nhau, tùy thuộc vào cơ cấu kinh tế và giai đoạn mở cửa trở lại. Đông Nam Á vẫn tiếp tục nổi bật trong bối cảnh thế giới đang đối mặt với lạm phát cao và nhu cầu tiêu dùng thấp. Vậy, cụ thể tình hình kinh tế ĐNA biến chuyển như thế nào? Điểm nổi bật của các ngành kinh tế của ĐNA là gì? Chúng ta sẽ tìm hiểu "cỗ máy" tăng trưởng của thế giới này trong bài học hôm nay.

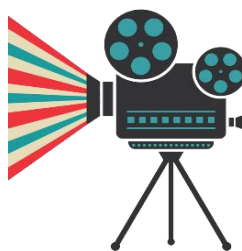
Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về tình hình phát triển kinh tế

1. Mục tiêu

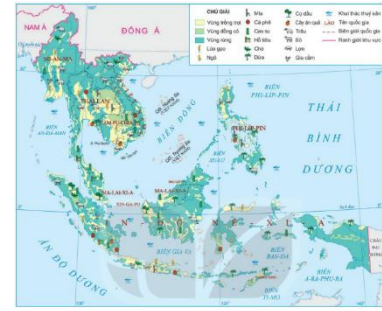
- Trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực Đông Nam Á.
- Nhận xét được các bảng số liệu, biểu đồ về nội dung tìm hiểu.

2. Nội dung



HS trả lời 3 câu hỏi:

- Đọc SGK mục I, kết hợp với kiến thức của bản thân, hãy trình bày và giải thích tình hình phát triển kinh tế chung khu vực Đông Nam Á.
- Dựa vào bảng 12.1, nhận xét về quy mô GDP theo giá hành và tốc độ tăng GDP của khu vực Đông Nam Á và thế giai đoạn 2000 – 2020.
- Dựa vào hình 12.1, nhận xét cơ cấu GDP của In-đô-nê-xi-a và Việt Nam giai đoạn 2005-2020.



Hình 12.2. Bản đồ phân bố nông nghiệp khu vực Đông Nam Á năm 2020

của
hiện
giới

3. Sản phẩm

Câu trả lời của HS

4. Tiến trình hoạt động:

* Chuyển giao nhiệm vụ:

- HS làm việc theo cặp

* Thực hiện nhiệm vụ:

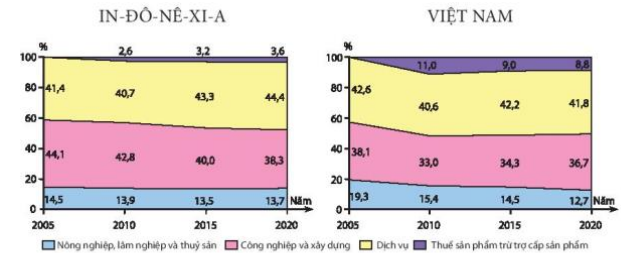
- Bước 1: HS làm việc cá nhân.
- Bước 2: Thảo luận cặp đôi, thống nhất nội dung trả lời chung.

* Báo cáo, thảo luận:

- Bước 1: GV cho bắt thăm/chỉ định một số cặp HS
- Bước 2: Đại diện các cặp đôi trình bày kết quả làm việc, các cặp HS khác bổ sung (nếu có).

* Kết luận, nhận định:

- GV đánh giá và chuẩn kiến thức ghi bài



Hình 12.1. Cơ cấu GDP của In-đô-nê-xi-a và Việt Nam giai đoạn 2005 – 2020

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ

– Tình hình phát triển chung:

- + Khu vực Đông Nam Á có quy mô GDP đứng thứ ba châu Á và tăng khá nhanh.
 - + Khu vực Đông Nam Á có nền kinh tế phát triển năng động bậc nhất thế giới.
 - + Cơ cấu kinh tế của hầu hết các quốc gia đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá – hiện đại hoá.
 - + Giữa các quốc gia còn có sự chênh lệch về trình độ phát triển cũng như đang đối mặt với nhiều thách thức.
- Nguyên nhân: Các quốc gia tận dụng được các lợi thế về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, nguồn lao động cũng như thu hút được các nguồn đầu tư bên ngoài.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về các ngành kinh tế

1. Mục tiêu:

- Trình bày và giải thích được sự phát triển các ngành kinh tế của khu vực Đông Nam Á.
- Đọc được bản đồ phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; bản đồ phân bố công nghiệp khu vực Đông Nam Á.

2. Nội dung:

- Đọc thông tin trong mục 1 và dựa vào hình 12.2, hãy trình bày sự phát triển và phân bố của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của khu vực Đông Nam Á.
- Đọc thông tin trong mục 2 và dựa vào hình 12.3, hãy trình bày và giải thích sự phát triển của ngành công nghiệp khu vực Đông Nam Á.
- Đọc nội dung mục 3 và dựa vào bảng 12.3, hãy trình bày sự phát triển các ngành dịch vụ của khu vực Đông Nam Á.

3. Sản phẩm:

PHT của các nhóm



Hình 12.3. Bản đồ phân bố công nghiệp khu vực Đông Nam Á năm 2020

Các ngành kinh tế		Sự phát triển	Phân bố
Nông nghiệp	Trồng trọt	- Trồng trọt là ngành chính trong sản xuất nông nghiệp. Các cây trồng chính là lúa gạo, cây công nghiệp và cây ăn quả. Lúa gạo là cây lương thực truyền thống và quan trọng nhất của khu vực. Sản lượng lúa ngày càng tăng, xuất khẩu gạo hàng đầu TG. Đông Nam Á trồng nhiều cây công nghiệp, có giá trị xuất khẩu cao; đứng hàng đầu thế giới là cao su, cọ dầu, cà phê, hồ tiêu. Cây ăn quả rất đa dạng (xoài, chôm chôm, sầu riêng, dứa, chuối,...).	- In-đô-nê-xi-a là nước có sản lượng lúa gạo lớn nhất khu vực. Thái Lan và Việt Nam là hai nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới. Cao su được trồng nhiều ở Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Thái Lan và Việt Nam. Cọ dầu được trồng nhiều ở In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a. Cà phê và hồ tiêu được trồng nhiều ở Việt Nam, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Thái Lan. Cây ăn quả được trồng ở hầu hết các nước trong khu vực.
	Chăn nuôi	- Ngành chăn nuôi hiện đang được chú trọng phát triển do chất lượng	- Trâu bò được nuôi nhiều ở Mi-an-ma, In-đô-nê-xi-a, Thái Lan

		cuộc sống được nâng lên và đem lại hiệu quả kinh tế cao.	và Việt Nam. Lợn được nuôi nhiều ở Việt Nam, Phi-líp-pin, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a. Chăn nuôi gia cầm phổ biến ở hầu hết các nước.
	Lâm nghiệp	Là ngành kinh tế quan trọng. Sản lượng gỗ tròn khai thác của khu vực có xu hướng tăng. - Các nước Đông Nam Á tăng cường công tác trồng rừng, khoanh nuôi rừng tự nhiên, thành lập các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên.	- In-đô-nê-xi-a, Lào, Thái Lan, Mi-an-ma và Việt Nam.
	Thủy sản	- Là ngành truyền thống của hầu hết các nước trong khu vực. Hiện nay, các nước đã đầu tư vốn, công nghệ, kỹ thuật để đẩy mạnh hoạt động đánh bắt và nuôi trồng theo hướng phát triển bền vững. Năm 2020, Đông Nam Á đóng góp khoảng 25% tổng sản lượng thủy sản toàn cầu.	- In-đô-nê-xi-a, Việt Nam và Phi-líp-pin.
Tình hình phát triển		Các ngành nổi bật	
công nghiệp	Điện tử - tin học	CBTP, SXHTD	Khai thác k.sản
- Một số trung tâm công nghiệp lớn của khu vực là Băng Cốc (Thái Lan), Gia-các-ta (In-đô-nê-xi-a), Thành phố Hồ Chí Minh (Việt Nam)....	- Đang trở thành ngành mũi nhọn của nhiều nước trong khu vực, như Xin-ga-po, Thái Lan, Ma-lai-xi-a, Việt Nam..... Hiện nay, các nước trong khu vực đang tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu trong lĩnh vực điện tử, tin học.	- Là các ngành công nghiệp đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế; phân bố ở tất cả các quốc gia trong khu vực, nhất là các nước đông dân như In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Việt Nam và Phi-líp-pin.	- Khai thác dầu mỏ và khí tự nhiên phát triển mạnh ở Bru-nây, Ma-lai-xi-a, In-do-nê-xi-a, Việt Nam.....
Dịch vụ	Thương mại	- Nội thương phát triển nhanh, thể hiện ở trị giá và khối lượng hàng hoá, dịch vụ trao đổi trên thị trường ngày càng lớn, hình thành các hình thức mới như siêu thị, trung tâm thương mại và sự phát triển nhanh của thương mại điện tử. Các nước có ngành nội thương phát triển là Xin-ga-po, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a và Thái Lan.	

		- Ngoại thương đóng vai trò then chốt đối với tất cả các quốc gia trong khu vực. Các đối tác thương mại lớn nhất của khu vực là Trung Quốc, Hoa Kỳ và Hàn Quốc. Hầu hết các quốc gia trong khu vực đều có trị giá xuất khẩu lớn hơn trị giá nhập khẩu (xuất siêu). Các mặt hàng xuất khẩu chính là hàng nông sản, thủy sản, khoáng sản, dệt may.... Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là máy móc, hàng tiêu dùng.... Các nước có hoạt động ngoại thương phát triển nhất là Xin-ga-po, Việt Nam, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a và Thái Lan
	Giao thông vận tải	- Được chú ý phát triển và hiện đại hóa nhằm phục vụ sản xuất, đời sống của nhân dân mỗi nước và tạo sự hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài. - Giao thông đường bộ được đầu tư, hiện đại hoá mạnh mẽ, đáp ứng nhu cầu sản xuất tăng nhanh. Đường sắt khá phổ biến ở các quốc gia Đông Nam Á lục địa. Giao thông đường biển đóng vai trò quan trọng. Giao thông hàng không đang phát triển.
	Tài chính ngân hàng	Đang trong quá trình phát triển và hội nhập với thế giới và dần trở thành động lực thúc đẩy kinh tế các nước trong khu vực. Những thuận lợi về nguồn lao động và thị trường quy mô lớn đang thúc đẩy sự phát triển nhanh và đa dạng của ngành. Các trung tâm tài chính lớn trong khu vực là Xin-ga-po, Cu-a-la Lăm pơ, Băng Cốc, Thành phố Hồ Chí Minh,...
	Du lịch	Du lịch có vai trò ngày càng quan trọng ở Đông Nam Á. Số lượng khách du lịch và doanh thu du lịch ngày càng tăng. Các quốc gia có ngành du lịch phát triển mạnh là Thái Lan, Việt Nam, In-đô-nê-xi-a, Xin-ga-po

4. Tiến trình hoạt động:

* Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV chia lớp thành 6 nhóm và chia 2 cụm:
 - Cụm 1: gồm các nhóm 1-3-5
 - Cụm 2: gồm các nhóm 2-4-6
- Yêu cầu thảo luận theo “kỹ thuật mảnh ghép”:
 - Nhóm 1,2: tìm hiểu ngành NN
 - Nhóm 3,4: tìm hiểu ngành CN
 - Nhóm 5,6: tìm hiểu ngành DV

* Thực hiện nhiệm vụ:

* Báo cáo, thảo luận:

- GV dùng thẻ bài/vòng quay số...gọi 2 nhóm trình bày.

- Các nhóm khác so sánh, nhận xét, bổ sung (nếu có).

*** Kết luận, nhận định:**

- GV cho các nhóm chấm điểm chéo

Tiêu chí	Chuẩn	N1	N2	N3	N4	N5	N6
Hoàn thành các tiêu đề PHT	2						
Nội dung ngắn gọn, dễ hiểu	2						
Hoàn thành đúng thời gian	2						
Sự phối hợp giữa các thành viên	2						
Mức độ tiếp thu kiến thức từng ngành	2						
Tổng	10						

- GV tổng kết, khen ngợi, chuẩn kiến thức ghi bài và chuyển hoạt động tiếp theo

Hoạt động 3: Luyện tập

1. Mục tiêu:

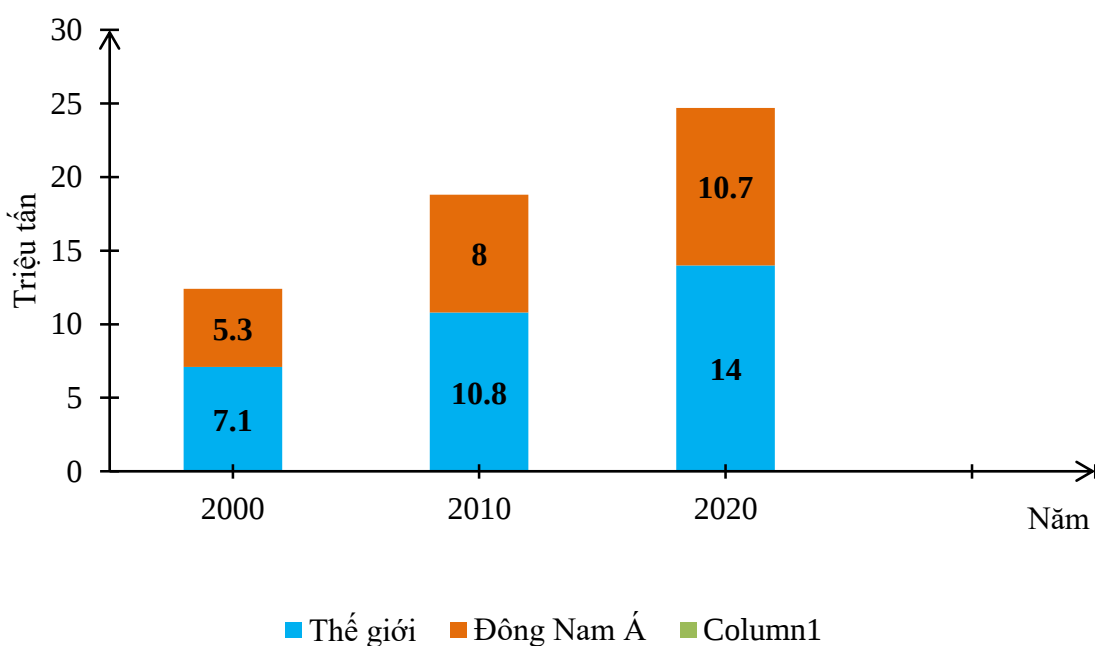
- củng cố kiến thức lí thuyết về tình hình phát triển kinh tế khu vực Đông Nam Á, sự phát triển của các ngành kinh tế của khu vực Đông Nam Á.
- Vẽ được biểu đồ, nhận xét biểu đồ, phân tích bảng số liệu.

2. Nội dung:

Dựa vào bảng 12.2, vẽ biểu đồ thể hiện sản lượng cao su của Đông Nam Á và thế giới giai đoạn 2000 – 2020. Nêu nhận xét.

3. Sản phẩm:

BIỂU ĐỒ SẢN LƯỢNG CAO SU KHU VỰC ĐÔNG NAM Á VÀ THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 2000 – 2020



Nhận xét:

- Sản lượng cao su khu vực Đông Nam Á và thế giới tăng liên tục (dẫn chứng);
- Đông Nam Á chiếm tỉ trọng lớn về sản lượng cao su của thế giới (dẫn chứng).

4. Tiến trình hoạt động:

* Chuyển giao nhiệm vụ:

- HS làm việc cá nhân trên giấy nháp, có ghi tên và lớp
- Thời gian vẽ và nhận xét 4 phút

* Thực hiện nhiệm vụ:

- B1: GV đặt câu hỏi cho HS chọn biểu đồ vẽ thích hợp
- B2: HS dựa vào bảng 12.2, vẽ biểu đồ thể hiện sản lượng cao su của Đông Nam Á và thế giới giai đoạn 2000 – 2020.
- B3: Nêu nhận xét.

* Báo cáo, thảo luận:

- B1: GV thu tất cả bài làm của HS
- B2: GV chọn ngẫu nhiên 1 biểu đồ của HS treo/chiếu lên bảng cho cả lớp ý kiến

* Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét và chuyển qua hoạt động tiếp theo.

Hoạt động 4: Vận dụng/mở rộng

1. Mục tiêu:

Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí của khu vực Đông Nam Á, hệ thống hoá và trình bày theo chủ đề.

2. Nội dung:

Viết báo cáo ngắn về điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội của một nước ở khu vực Đông Nam Á mà em quan tâm.

3. Sản phẩm:

Bài giới thiệu 1 điểm du lịch yêu thích của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà, gợi ý những nguồn thông tin để HS tham khảo.
- HS sưu tầm thông tin tìm hiểu về một địa điểm du lịch nổi tiếng của khu vực Đông Nam Á mà em quan tâm.
- Yêu cầu:
 - + HS có thể chọn hình thức giới thiệu khác nhau (Infographic, Allbum, Powerpoint, video....)
 - + Nộp vào tiết sau.

PHỤ LỤC

PHT

Các ngành kinh tế		Sự phát triển	Phân bố
Nông nghiệp	Trồng trọt		

	Chăn nuôi		
	Lâm nghiệp		
	Thủy sản		
Tình hình phát triển công nghiệp	Các ngành nổi bật		
	Điện tử - tin học	CBTP, SXHTD	Khai thác k.sản
Dịch vụ	Thương mại	- Nội thương	
		- Ngoại thương	
	Giao thông vận tải		
	Tài chính ngân hàng		
	Du lịch		

- PPCT: Tiết 26,27

KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

BÀI 13: HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á (ASEAN)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- So sánh được với EU về mục tiêu của ASEAN; cơ chế hoạt động, một số hợp tác cụ thể trong kinh



tế, văn hoá; phân tích được các thành tựu và thách thức của ASEAN.

- Chứng minh được sự hợp tác đa dạng và vai trò của Việt Nam trong ASEAN.
- Khai thác, chọn lọc, hệ thống hoá được các tư liệu từ các nguồn khác về địa lí khu vực ASEAN.
- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.

2. Về năng lực

* Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Năng lực đặc thù:

- Nhận thức khoa học Địa lí: Phân tích được các mục tiêu của ASEAN, cơ chế hoạt động, hợp tác trong kinh tế, văn hoá; các thành tựu và thách thức của ASEAN.
- Tìm hiểu địa lí: Khai thác internet phục vụ môn học.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến ASEAN.

3. Về phẩm chất

- Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học.
- Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, ủng hộ các hoạt động giao lưu và hợp tác giữa các quốc gia trong cộng đồng ASEAN.
- Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Video, tranh ảnh về Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).
- Đường link các trang web để HS tìm dữ liệu:

2. Học sinh

- SGK, giấy note
- Tài liệu tham khảo có liên quan đến bài học.
- Số liệu mới về ASEAN.



III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Mở đầu (3-5 phút)

1. Mục tiêu

HS xác định được vấn đề đặt ra trong bài học và hứng thú tìm hiểu các vấn đề của ASEAN.

2. Nội dung

- **Phương án 1:** GV dùng kỹ thuật “động não”, yêu cầu HS trong thời gian 2 phút liệt kê những hiểu biết về Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

- **Phương án 2:** Tổ chức “Trò chơi giải ô chữ”

3. Sản phẩm

- **Phương án 1:** Câu trả lời của HS

- **Phương án 2:** Từ khóa: ASEAN

4. Tổ chức thực hiện:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:**

- **Phương án 1:** Làm việc cá nhân; trong thời gian ngắn (2 phút) nghĩ ra được nhiều điều về Asean mà em biết.

- **Phương án 2:**

GV triển khai luật chơi:

+ Có 5 ô chữ hàng ngang tương ứng với 5 câu hỏi.

+ Trả lời đúng các câu hỏi, các dòng chữ hàng ngang sẽ hiện ra và có 1 hoặc 2 từ khóa.

+ Sau khi có được tất cả các từ khóa, các nhóm sẽ sắp xếp các chữ này để tạo thành ô chữ hàng dọc có nghĩa.

+ Thời gian suy nghĩ và trả lời câu hỏi là 30 giây.

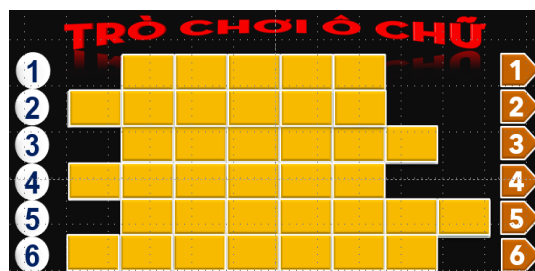
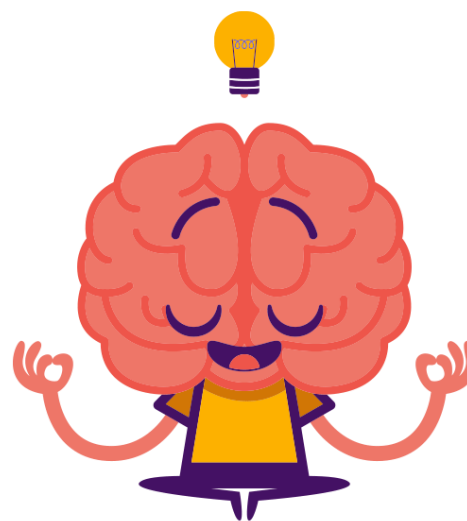
* **Thực hiện nhiệm vụ:**

- **Phương án 1:** HS liệt kê vào giấy nháp các hiểu biết của bản thân (2 phút)

- **Phương án 2:**

+ GV lần lượt đọc câu hỏi, HS được quyền giơ tay trả lời sau hiệu lệnh “Hết”

+ Bộ câu hỏi:



Câu 1: (Có 6 chữ cái): Cây lương thực truyền thống và quan trọng nhất của khu vực ĐNA là gì? **LÚA GẠO**

Câu 2: (Có 6 chữ cái): Lâm sản có sản lượng khai thác ngày càng tăng ở một số quốc gia ĐNA là

GỖ TRÒN

Câu 3: (Có 11 chữ cái): Ngành công nghiệp được coi là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và khả năng cạnh tranh của ĐNA là ngành gì? **CƠ KHÍ CHẾ TẠO**

Câu 4: (Có 8 chữ cái): Một loại hình GTVT khá phổ biến ở các quốc gia ĐNA lục địa? **ĐƯỜNG SẮT**

Câu 5: (Có 5 chữ cái): Một trong những cây công nghiệp có giá trị xuất khẩu hàng đầu thế giới của ĐNA là **CAO SU**

Từ khóa: ASEAN

*** Báo cáo, thảo luận:**

- **Phương án 1:** GV dùng thẻ bài/vòng quay số...để gọi HS bất kỳ trình bày kết quả “động não” của mình về kinh tế ĐNA (khoảng 3-5 em).

- **Phương án 2:** Sau khi từ khóa được tìm ra, GV đặt vấn đề tiếp theo: Em biết gì về ASEAN?

*** Kết luận, nhận định:**

- **Phương án 1:** GV không đánh giá đúng-sai nhận định của HS, khích lệ và dẫn dắt vào bài mới.

- **Phương án 2:** HS trả lời câu hỏi. GV bắt nhịp dẫn nhập vào bài mới.

Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập ngày 8/8/1967 với 5 thành viên ban đầu, phát triển dần thành một tổ chức khu vực hợp tác toàn diện, chặt chẽ với 10 thành viên và trở thành “mái nhà chung” của 10 quốc gia Đông Nam Á.

ASEAN được đánh giá là tổ chức khu vực thành công nhất trên thế giới. Vậy, Asean có gì khác biệt so với các tổ chức liên kết khu vực khác trên thế giới? Những thành tựu và thách thức mà Asean đang phải đối mặt là gì? Chúng ta cùng tìm lời giải đáp trong bài học hôm nay.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về mục tiêu và cơ chế hoạt động của ASEAN

1. Mục tiêu

- Xác định được mục tiêu và cơ chế hoạt động của ASEAN; so sánh được với EU về mục tiêu

- Trình bày được cơ chế hoạt động của ASEAN.

2. Nội dung

HS đọc thông tin mục I và nguồn thông tin khác từ Internet, trả lời các câu hỏi sau:

- Vẽ véc-tơ thời gian hình thành và phát triển thành viên của ASEAN.

- Nêu các mục tiêu chính của ASEAN.
- Trình bày các cơ chế hoạt động của ASEAN.

3. Sản phẩm

Câu trả lời của HS

4. Tiến trình hoạt động:

* Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV chia lớp thành 6 nhóm và giao nhiệm vụ:
- + Nhóm 1,2: Vẽ vec-tơ thời gian hình thành và phát triển thành viên của ASEAN.
- + Nhóm 3,4: Tìm hiểu về mục tiêu chính của ASEAN. Tại sao mục tiêu của ASEAN lại nhấn mạnh đến sự ổn định?
- + Nhóm 5,6: Tìm hiểu về cơ chế hoạt động của ASEAN. Lấy một số ví dụ minh họa cụ thể cho các cơ chế hoạt động.

* Thực hiện nhiệm vụ:

- Bước 1(Think): Các nhóm làm việc độc lập trên giấy A3
- Bước 2 (Pair): Các nhóm chia sẻ thông tin cho nhau.

Chia thành 2 cụm

- + Cụm nhóm lẻ 1-3-5
- + Cụm nhóm chẵn 2-4-6
- Bước 3 (Share): Các cụm chia sẻ và đi đến thống nhất.

* Báo cáo, thảo luận:

- Bước 1: GV cho bắt thăm/chỉ định đại diện 2 cụm trình bày.
- Bước 2: Các nhóm chấm chéo kết quả làm việc

Tiêu chí	Chuẩn	N1	N2	N3	N4	N5	N6
Hoàn thành nhiệm vụ	4						
Nội dung ngắn gọn, dễ hiểu	2						
Hoàn thành đúng thời gian	2						
Sự phối hợp giữa các thành viên	2						
Tổng	10						

* Kết luận, nhận định:

- GV khen ngợi, khích lệ và chuẩn kiến thức ghi bài

I. MỤC TIÊU VÀ CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA ASEAN

1. Mục tiêu

- Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và phát triển văn hoá của các nước thành viên, thu hẹp khoảng cách phát triển.
- Thúc đẩy hòa bình và ổn định trong khu vực, duy trì một khu vực không có vũ khí hạt nhân và vũ khí hủy diệt hàng loạt.
- Thúc đẩy hợp tác, tích cực và hỗ trợ lẫn nhau giữa các nước thành viên về vấn đề cùng quan tâm (kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, hành chính,...).



- Duy trì hợp tác chặt chẽ cùng có lợi giữa ASEAN với các nước hoặc tổ chức quốc tế khác.

□ So sánh với EU: Cùng là tổ chức liên kết khu vực, EU và ASEAN giống nhau về hoàn cảnh ra đời, mục tiêu và vai trò. EU tiến tới nhất thể hoá, ASEAN hướng tới thành một cộng đồng vững mạnh. EU hợp tác toàn diện và có tầm ảnh hưởng lớn hơn ASEAN.

2. Cơ chế hoạt động

- Nguyên tắc chủ đạo và phương thức hoạt động của ASEAN là không can thiệp vào công việc nội bộ, tham vấn và ra quyết định bằng đồng thuận.

- Các cơ quan đầu não: Cấp cao ASEAN, Hội đồng Điều phối ASEAN, Các Hội đồng Cộng đồng ASEAN, Các cơ quan chuyên ngành cấp Bộ trưởng ASEAN.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về một số hợp tác của ASEAN

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các hợp tác về kinh tế và xã hội của ASEAN.
- Phân tích được số liệu, tư liệu về vị thế của ASEAN.

2. Nội dung:

Dựa vào video, hình ảnh và thông tin mục III, hãy lấy ví dụ cụ thể về các hợp tác kinh tế, văn hoá, y tế của ASEAN.

3. Sản phẩm:

Báo cáo các ví dụ của nhóm thống nhất.

4. Tiến trình hoạt động:

* Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV chia sẻ với HS hình ảnh, video về một số hợp tác kinh tế, văn hoá, y tế tiêu biểu của ASEAN
- Nhiệm vụ HS: lấy ví dụ cụ thể về các hợp tác kinh tế, văn hoá, y tế của ASEAN.

* Thực hiện nhiệm vụ:

- HS làm việc theo nhóm cũ
- Các nhóm tìm hiểu thông tin, trình bày sản phẩm và lựa chọn hình thức báo cáo trước lớp.

* Báo cáo, thảo luận:

- GV dùng thẻ bài/vòng quay số...gọi 2 nhóm trình bày.
- Các nhóm khác so sánh, nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Kết luận, nhận định:

- GV cho các nhóm chấm điểm chéo

Tiêu chí	Chuẩn	N1	N2	N3	N4	N5	N6
Hoàn thành các tiêu đề PHT	2						
Nội dung ngắn gọn, dễ hiểu	2						
Hoàn thành đúng thời gian	2						
Sự phối hợp giữa các thành viên	2						

Mức độ tiếp thu kiến thức từng ngành	2						
Tổng	10						

- GV tổng kết, khen ngợi, chuẩn kiến thức ghi bài và chuyển hoạt động tiếp theo
- GV nhận xét, đánh giá và tổng kết.

Hợp tác về kinh tế	Hợp tác về văn hoá, y tế
- Hợp tác kinh tế nội khối: Hình thành các tổ chức như: AFTA, ATIGA, AEC; thành lập các khu kinh tế đặc biệt (SEZ). - Hợp tác kinh tế giữa ASEAN và các quốc gia, khu vực khác trên thế giới; + Triển khai nhiều hình thức liên kết (AUN), thương mại với nhiều đối tác lớn như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Ấn Độ,... + Thành lập các quỹ hợp tác khu vực và quốc tế.	- Hợp tác về văn hoá: Xây dựng Cộng đồng Văn hoá – Xã hội ASEAN (ASCC), hợp tác trong lĩnh vực nghệ thuật, văn học... - Hợp tác về giáo dục: Hình thành tổ chức mạng lưới các trường Đại học ASEAN tổ chức các Hội nghị Bộ trưởng kinh tế, Giáo dục ASEAN (SEAMEO),.. - Hợp tác về y tế: Thành lập Kho dự phòng vật tư y tế khẩn cấp khu vực (RRMS), Quỹ ASEAN ứng phó COVID-19,... - Hợp tác về thể thao: SEA Games, ASEAN Paragames,...

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu về thành tựu và thách thức của ASEAN

1. Mục tiêu:

- Phân tích được các thành tựu và thách thức của ASEAN.
- Tìm kiếm, chọn lọc được thông tin từ các nguồn tin cậy để lấy ví dụ minh họa cho các thành tựu và thách thức của ASEAN.

2. Nội dung:

Đọc thông tin mục III và hiểu biết cá nhân, hoàn thành PHT

Lĩnh vực	Thành tựu	Thách thức
Kinh tế		
VH-XH		
AN-CT		

3. Sản phẩm:

PHT của các nhóm

4. Tiến trình hoạt động:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- HS ngồi theo vị trí nhóm cũ
- Thảo luận nhóm bằng kỹ thuật “khăn trải bàn”

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

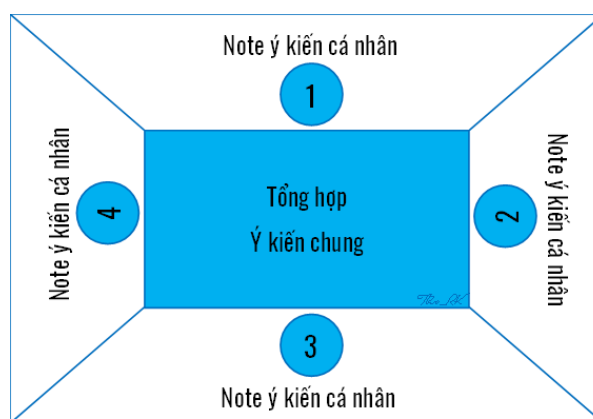
- Bước 1: HS đọc thông tin mục II SGK/Tr 47 và quan sát hình 11.1, note ý kiến cá nhân (3 phút)
- Bước 2: Tổng hợp ý kiến trong nhóm và thống nhất điền thông tin vào PHT.

*** Báo cáo, thảo luận:**

- Sử dụng kỹ thuật phòng tranh để trình bày sản phẩm.
- GV dùng thẻ bài/vòng quay số...gọi 2 nhóm trình bày.
- Các nhóm khác so sánh, nhận xét, bổ sung (nếu có).

*** Kết luận, nhận định:**

- GV cho các nhóm chấm điểm chéo



Tiêu chí	Chuẩn	N1	N2	N3	N4	N5	N6
Hoàn thành các tiêu đề PHT	4						
Trình bày ngắn gọn, dễ hiểu	2						
Hình thức đẹp, rõ ràng	2						
Hoàn thành đúng thời gian	2						
Tổng	10						

- GV tổng kết, khen ngợi, chuẩn kiến thức ghi bài và chuyển hoạt động tiếp theo

Lĩnh vực	Thành tựu	Thách thức
Kinh tế	- Trở thành một khu vực kinh tế năng động và có tốc độ phát triển cao trên thế giới. - Hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu - Thông qua nhiều thỏa thuận và Hiệp định quan trọng, đặc biệt là Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện khu vực (RCEP).	Trình độ phát triển còn chênh lệch, liên kết kinh tế chưa cao.
VH-XH	- Đời sống nhân dân được cải thiện. - Chất lượng, thể lực lao động ngày càng tăng. - Phát triển cơ sở hạ tầng và những phong cách sống tích cực. - Chỉ số phát triển con người được cải thiện.	- Vẫn còn tình trạng đói nghèo, các vấn đề tôn giáo, dân tộc, ô nhiễm môi trường,...
AN-CT	- Tạo dựng được một môi trường hòa bình, ổn định trong khu vực. - Hợp tác quốc phòng được đẩy mạnh, hợp tác an ninh biển được đảm bảo.	- Các diễn biến phức tạp trên Biển Đông.

Hoạt động 2.4. Tìm hiểu về sự hợp tác và vai trò của Việt Nam trong ASEAN

1. Mục tiêu:

- Chứng minh được sự hợp tác đa dạng và vai trò của Việt Nam trong ASEAN.

- Tìm kiếm, chọn lọc được thông tin từ các nguồn tin cậy để làm rõ các biểu hiện của sự hợp tác và vai trò của Việt Nam trong ASEAN.

2. Nội dung: HS đọc SGK kết hợp hiểu biết của bản thân, hãy:

- Nêu khái quát các biểu hiện về sự hợp tác đa dạng của Việt Nam trong ASEAN.

- Chứng minh được Việt Nam có vai trò tích cực của trong ASEAN.

3. Sản phẩm:

Câu trả lời của HS

4. Tiến trình hoạt động:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Tìm hiểu về sự hợp tác của Việt Nam trong ASEAN.

+ GV yêu cầu HS đọc SGK kết hợp hiểu biết của bản thân, nêu khái quát các biểu hiện về sự hợp tác đa dạng của Việt Nam trong ASEAN.

- Tìm hiểu về vai trò của Việt Nam trong ASEAN

+ HS xem video và chứng minh được vai trò tích cực của Việt Nam:

27 năm Việt Nam gia nhập ASEAN: Khẳng định vai trò trung tâm

<https://www.youtube.com/watch?v=ng9UoQkLguk>

(GV có thể yêu cầu HS chuẩn bị trước các nội dung này)

Lưu ý: GV khuyến khích HS tìm hiểu và cập nhật những thông tin mới nhất nhằm chứng minh được hoạt động hợp tác và vai trò của Việt Nam trong ASEAN là rất tích cực và sôi nổi.

- <https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/825590/nang-cao-vai-tro-va-vi-the-cua-viet-nam-trong-asean.aspx>

- <https://www.vietnamplus.vn/viet-nam-nhan-to-quan-trong-trong-su-phat-trien-cua-asean/809718.vnp>

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- Bước 1: HS làm việc cá nhân, tự viết ra các câu khái quát về các hợp tác trên nhiều lĩnh vực của Việt Nam trong ASEAN.

- Bước 2: GV đưa ra các hình ảnh hoặc thông tin, câu chuyện về vai trò của Việt Nam trong ASEAN □ HS note lại các vai trò chính.

*** Báo cáo, thảo luận:**

- Tìm hiểu về sự hợp tác của Việt Nam trong ASEAN:

+ GV gọi 1 HS đưa ra thông tin, các HS khác trong lớp xác định thông tin đó thể hiện mục tiêu nào.

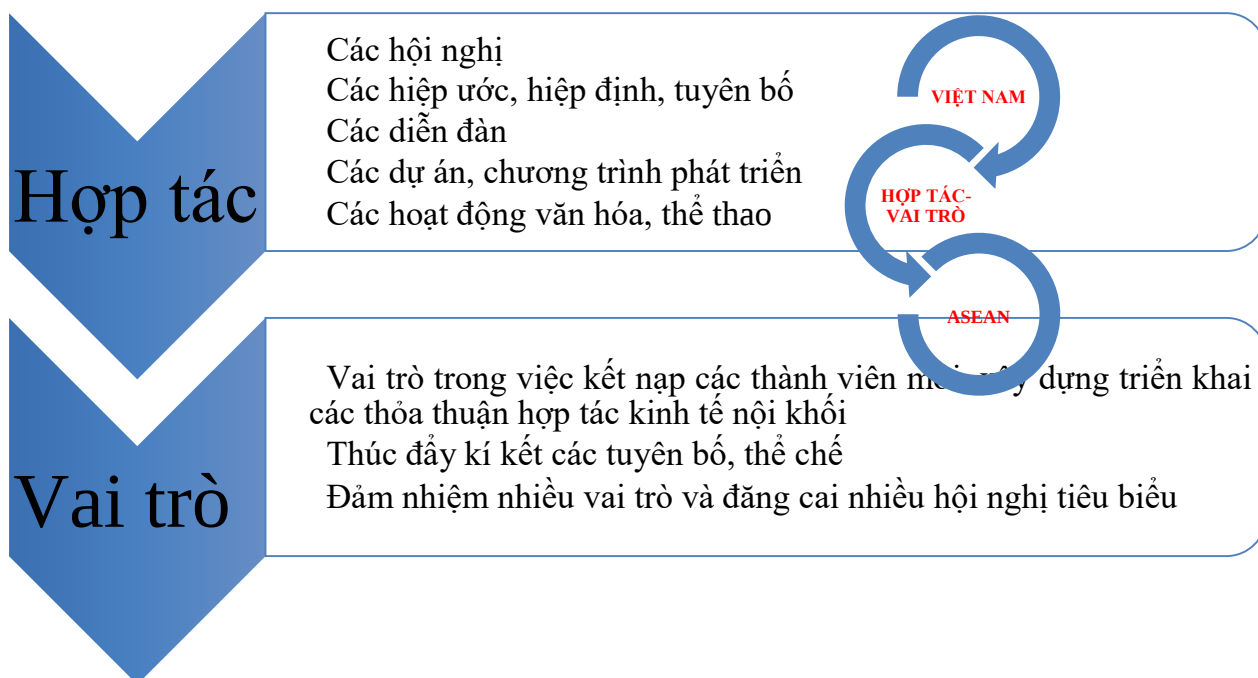
+ GV mở rộng: cho HS xem video về hợp tác của Việt Nam với các nước ASEAN

<https://www.youtube.com/watch?v=auKU8JjRas>

- Tìm hiểu về vai trò của Việt Nam trong ASEAN: GV gọi một vài HS đọc câu nhận xét về vai trò của Việt Nam trong ASEAN trước lớp. HS khác nhận xét/bổ sung.

*** Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức ghi bài và chuyển qua hoạt động tiếp theo.



Hoạt động 3: Luyện tập

1. Mục tiêu:

Củng cố kiến thức lí thuyết về mục tiêu, hợp tác, cơ hội thách thức của ASEAN.

2. Nội dung: Học sinh thực hiện bài tập nhận thức sau:

Câu 1. Tại sao mục tiêu của ASEAN lại nhấn mạnh đến sự hoà bình và ổn định trong khu vực?

Câu 2: Hiện nay, ASEAN có những lợi thế nào so với các tổ chức liên kết khu vực? Để củng cố thêm sức mạnh cũng như vị thế của ASEAN trên trường quốc tế, ASEAN cần phải làm gì?

3. Sản phẩm:

Câu trả lời của HS

4. Tiến trình hoạt động:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- HS làm việc cá nhân trên giấy nháp, có ghi tên và lớp
- Thời gian suy nghĩ và note: 2 phút

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- GV nêu 2 câu hỏi. HS suy nghĩ và note vào giấy nháp.
- GV quan sát/hỗ trợ

*** Báo cáo, thảo luận:**

- B1: GV thu tất cả bài làm của HS
- B2: GV chọn ngẫu nhiên một vài ý kiến đọc trước lớp.
- B3: HS nhận xét, bổ sung (nếu có)

*** Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, khích lệ và chuyển qua hoạt động tiếp theo.

Hoạt động 4: Vận dụng/mở rộng

1. Mục tiêu:

- Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về ASEAN.

2. Nội dung: HS tìm hiểu thông tin trên internet, nêu một số thông tin độc đáo, thú vị về ASEAN chưa được đề cập trong bài học. (tham khảo mục IV).

3. Sản phẩm:

Bài làm của HS

4. Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1:** GV giao nhiệm vụ, học sinh thực hiện nhiệm vụ được giao ở nhà.
- **Bước 2:** HS thu thập thông tin từ nhiều nguồn khác nhau và chuẩn bị bài làm của mình.
- **Bước 3:** HS nộp sản phẩm trong thời hạn quy định của giáo viên.
- **Bước 4:** GV đánh giá, nhận xét sản phẩm của học sinh.

IV. THÔNG TIN THAM KHẢO

- <https://nhandan.vn/buc-tranh-da-sac-ve-van-hoa-asean-post710043.html>
- <https://congthuong.vn/net-dep-van-hoa-tu-le-hoi-te-nuoc-cua-cac-nuoc-asean-250405.html>
- <https://nhandan.vn/nhung-dieu-thu-vi-ve-cac-nuoc-asean->
- <https://baonghean.vn/quoc-te/201708/7-dieu-co-the-ban-chua-biet-ve-asean-2831617/>

-

PHỤ LỤC

I. HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á (ASEAN)	
1. Mục tiêu	- Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và phát triển văn hoá của các nước thành viên, thu hẹp khoảng cách phát triển. - Thúc đẩy hòa bình và ổn định trong khu vực, duy trì một khu vực không có vũ khí hạt nhân và vũ khí hủy diệt hàng loạt. - Thúc đẩy hợp tác, tích cực và hỗ trợ lẫn nhau giữa các nước thành viên về vấn đề cùng quan tâm (kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, hành chính,...). - Duy trì hợp tác chặt chẽ cùng có lợi giữa ASEAN với các nước hoặc tổ chức quốc tế khác. □ So sánh với EU: Cùng là tổ chức liên kết khu vực, EU và ASEAN giống nhau về hoàn cảnh ra đời, mục tiêu và vai trò. EU tiến tới nhất thể hoá, ASEAN hướng tới thành một cộng đồng vững mạnh. EU hợp tác toàn diện và có tầm ảnh hưởng lớn hơn ASEAN.

2. Cơ chế hoạt động	- Nguyên tắc chủ đạo và phương thức hoạt động của ASEAN là không can thiệp vào công việc nội bộ, tham vấn và ra quyết định bằng đồng thuận. - Các cơ quan đầu não: Cấp cao ASEAN, Hội đồng Điều phối ASEAN, Các Hội đồng Cộng đồng ASEAN, Các cơ quan chuyên ngành cấp Bộ trưởng ASEAN.
----------------------------	--

- **PPCT:** Tiết 28

KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

BÀI 14: TÌM HIỂU HOẠT ĐỘNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI CỦA KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- HS biết khai thác, chọn lọc thông tin từ internet và các nguồn thông tin khác liên quan đến du lịch khu vực Đông Nam Á.
- Vẽ được biểu đồ theo yêu cầu.

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Tự chủ và tự học: thông qua việc thu thập thông tin và trình bày về du lịch khu vực Đông Nam Á.
- Giao tiếp và hợp tác: thông qua thông qua các hoạt động nhóm và phương pháp dạy học thảo luận.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: thông qua các hoạt động nhận xét, giải thích sự thay đổi các trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ của khu vực Đông Nam Á giai đoạn 2010 – 2020.

*** Năng lực đặc thù:**

- Nhận thức khoa học Địa lí: Phân tích được sự có mặt tài nguyên du lịch của khu vực Đông Nam Á giai đoạn 2010 – 2020.
- Tìm hiểu địa lí: Sử dụng các công cụ Địa lí học, khai thác internet phục vụ môn học.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến du lịch, thương mại khu vực Đông Nam Á.

3. Về phẩm chất

- Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học.
- Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, thái độ tôn trọng những giá trị văn hoá khác nhau của khu vực Đông Nam Á.
- Hình thành tình yêu quê hương đất nước, có thái độ làm việc nghiêm túc và tinh thần phát triển kinh tế cho địa phương, đất nước và khu vực.
- Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Bảng 14/trang 66 SGK
- Link thông tin tham khảo:
 - + <https://baochinhphu.vn/dien-dan-du-lich-asean-nang-tam-vi-the-du-lich-asean-va-quang-ba-du-lich-viet-nam-voi-the-gioi-102230205231942706.htm>
 - + ASEAN+3 thúc đẩy phục hồi và phát triển du lịch bền vững <https://www.youtube.com/watch?v=0jNZSkp9JUA>
 - + Du lịch ASEAN khởi sắc <https://www.youtube.com/watch?v=dLQvxiK-ciQ>
 - + Việt Nam dự Hội nghị Bộ trưởng Du lịch ASEAN lần thứ 26 <https://www.youtube.com/watch?v=mL8h3nJrIaM>

2. Học sinh

- SGK, giấy note
- Tài liệu tham khảo có liên quan đến bài học.
- Bài giới thiệu ngắn về hoạt động du lịch của khu vực Đông Nam Á (Chuẩn bị sẵn ở nhà).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Mở đầu (3-5 phút)

1. Mục tiêu

- Tạo kết nối giữa kiến thức, kinh nghiệm của HS về kỹ năng vẽ biểu đồ.
- Tạo hứng thú, kích thích sự tìm tòi, tò mò của HS.

2. Nội dung

- Chia sẻ kinh nghiệm vẽ biểu đồ trong thời gian ngắn nhất.

3. Sản phẩm

Học sinh tích cực chia sẻ kinh nghiệm của bản thân về cách vẽ biểu đồ nhanh.

4. Tổ chức thực hiện:

* Chuyển giao nhiệm vụ:

- Làm việc cá nhân
- GV dùng kỹ thuật “Động não” giải quyết vấn đề: Kinh nghiệm vẽ biểu đồ thần tốc

* Thực hiện nhiệm vụ:

- Từng cá nhân chia sẻ

* Báo cáo, thảo luận:

- GV dùng thẻ bài/vòng quay số...để gọi HS bất kỳ chia sẻ (khoảng 3-5 em).
- Các em còn lại có thể bổ sung kinh nghiệm khác (GV lưu ý thời gian để điều phối hợp lý)

* Kết luận, nhận định:

- GV kết luận, không đánh giá đúng sai và dẫn dắt vào bài mới.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về tiềm năng du lịch khu vực Đông Nam Á

1. Mục tiêu

- HS biết khai thác, chọn lọc thông tin từ internet và các nguồn thông tin khác liên quan đến du lịch khu vực Đông Nam Á
- Truyền đạt được thông tin địa lí về hoạt động du lịch khu vực Đông Nam Á.

2. Nội dung: Khai thác, chọn lọc thông tin từ internet và các nguồn thông tin khác liên quan đến du lịch khu vực Đông Nam Á để:

Viết bài giới thiệu ngắn về hoạt động du lịch của khu vực Đông Nam Á.

GV gợi ý các nội dung cần tìm hiểu để viết báo cáo ở nhà:

- *Tiềm năng phát triển du lịch: tài nguyên du lịch, cơ sở hạ tầng, du lịch, mức sống dân cư...*
- *Tình hình phát triển: Dựa vào kiến thức đã học và bảng 14 để rút ra các nhận xét về sự phát triển du lịch của khu vực như: Số khách du lịch đến, doanh thu du lịch, bình quân chi tiêu của khách du lịch; các trung tâm, điểm du lịch nổi tiếng; tác động của du lịch đến khu vực...*

3. Sản phẩm

Bài giới thiệu ngắn về hoạt động du lịch của khu vực Đông Nam Á.

4. Tiến trình hoạt động:

* Chuyển giao nhiệm vụ:

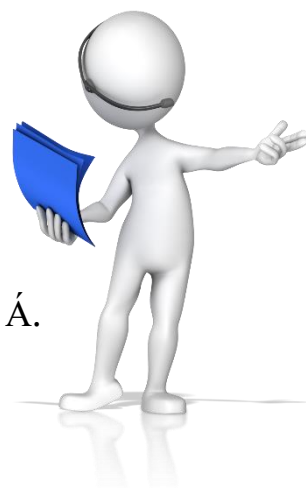
- HS chuẩn bị bài giới thiệu ngắn về hoạt động du lịch của khu vực Đông Nam Á đã được viết ở nhà
- Thời gian báo cáo: 1 phút

* Thực hiện nhiệm vụ:

- HS giới thiệu ngắn về hoạt động du lịch của khu vực Đông Nam Á.
- HS còn lại lắng nghe và note ý kiến

* Báo cáo, thảo luận:

- GV cho bắt thăm/chỉ định một vài HS trình bày trước lớp.
- HS còn lại chấm điểm



Tiêu chí	Điểm Chuẩn
Trình bày tự tin, truyền cảm	.../4
Nội dung ngắn gọn, dễ hiểu	.../2
Hình thức đẹp, rõ ràng, sáng tạo	.../2
Hoàn thành đúng thời gian	.../2
Tổng	.../10

* Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét, khen ngợi và chuyển nội dung hoạt động 2

Hoạt động 2.2. Thực hành vẽ biểu đồ và nhận xét

1. Mục tiêu:

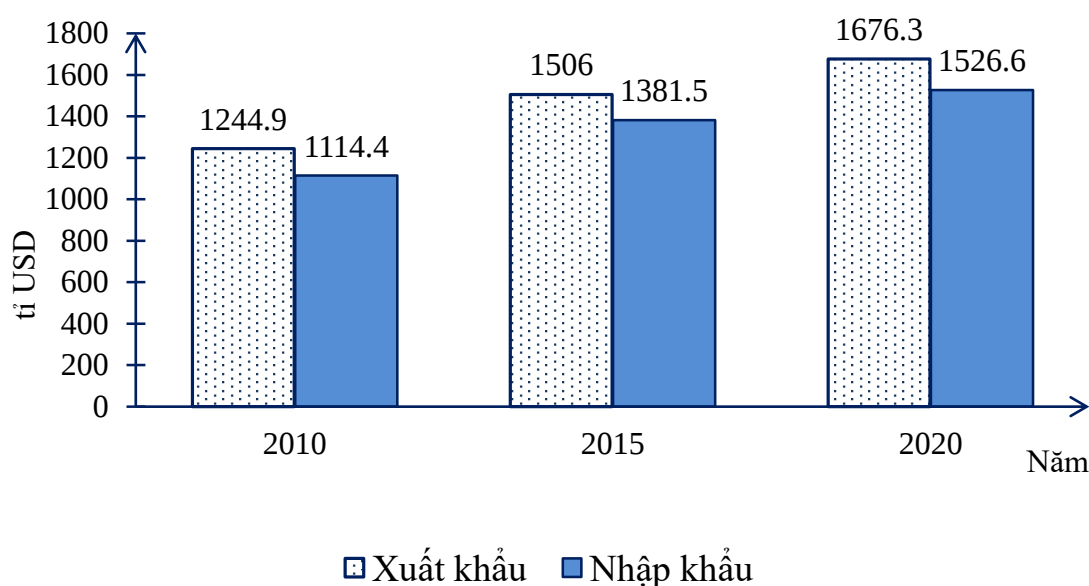
2. Nội dung: Dựa vào bảng 12.3, hãy

- Vẽ được biểu đồ thể hiện trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ của khu vực Đông Nam Á giai đoạn 2010 – 2020.
- Nêu nhận xét và giải thích.

3. Sản phẩm:

- Biểu đồ:

BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ VÀ DỊCH VỤ CỦA KHU VỰC ĐÔNG NAM Á GIAI ĐOẠN 2010 – 2020



- Nhận xét (tham khảo)

+ Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu tăng liên tục qua các năm (dẫn chứng).

+ Đông Nam Á là khu vực xuất siêu.

- Giải thích:

+ Ngoại thương đóng vai trò then chốt đối với tất cả các quốc gia trong khu vực, có đối tác lớn như: Trung Quốc, Hoa Kỳ, Hàn Quốc...) → Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu tăng liên tục qua các năm.

+ Đông Nam Á là khu vực xuất siêu: Hầu hết các quốc gia trong khu vực đều có trị giá xuất khẩu lớn hơn nhập khẩu.

4. Tiến trình hoạt động:

* Chuyển giao nhiệm vụ:

- HS làm việc cá nhân: vẽ biểu đồ và nhận xét, giải thích trên giấy tập/A4

- GV quan sát

* Thực hiện nhiệm vụ:

- Bước 1: Lấy giấy tập/A4 ghi tên và lớp vào góc trái phía trên

- Bước 2: Xác định dạng biểu đồ

- Bước 3: Vẽ biểu đồ, nhận xét và giải thích

* Báo cáo, thảo luận:

- Sử dụng kĩ thuật phòng tranh để trình bày sản phẩm.

- GV dùng thẻ bài/vòng quay số...gọi 2 nhóm trình bày.

- Các nhóm khác so sánh, nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Kết luận, nhận định:



- HS nhận xét

Tiêu chí	Điểm Chuẩn
Đúng dạng biểu đồ cột ghép, đầy đủ yếu tố (Tên, đơn vị, thời gian, chú thích)	.../5
Bố cục cân đối, đẹp, sạch	.../1
Nhận xét, giải thích hợp lí	.../3
Hoàn thành đúng thời gian	.../1
Tổng	.../10

- GV tổng kết, khen ngợi, chuẩn kiến thức và chuyển hoạt động tiếp theo

Hoạt động 3: Luyện tập

1. Mục tiêu:

- củng cố kiến thức lí thuyết của bài.
- Rèn luyện kĩ năng thuyết trình

2. Nội dung:

Đóng vai “Đại sứ du lịch Việt Nam”:

Nếu em là Đại sứ Du lịch Việt Nam đương nhiệm, em sẽ để quảng bá, tuyên truyền cho du lịch Việt Nam?

3. Sản phẩm:

Nhập vai và trả lời câu hỏi

4. Tiến trình hoạt động:

* Chuyển giao nhiệm vụ:

- Làm việc cá nhân: HS đóng vai “Đại sứ du lịch Việt Nam” để trả lời câu hỏi.
- Thời gian suy nghĩ trả lời: 1 phút

* Thực hiện nhiệm vụ:

- GV bốc thăm ngẫu nhiên một vài HS đóng vai
- HS nhập vai và trả lời câu hỏi

* Báo cáo, thảo luận:

HS đánh giá phần đóng vai của HS trình bày

Học sinh	Chưa thuyết phục	Thuyết phục	Rất thuyết phục
A			
B			
...			

* Kết luận, nhận định:

- GV khen ngợi và chuyển qua hoạt động tiếp theo.



làm gì

Nam”

Hoạt động 4: Vận dụng/mở rộng

1. Mục tiêu:

Chuẩn bị kiến thức cho bài học tiếp theo

2. Nội dung:

- Suy tầm tranh ảnh, bản đồ về khu vực Tây Nam Á

3. Sản phẩm:

Sản phẩm suy tầm của HS

4. Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà, gợi ý những nguồn thông tin để HS tham khảo.
- HS suy tầm thông tin về tranh ảnh, bản đồ về khu vực Tây Nam Á



PHỤ LỤC

THÔNG TIN THAM KHẢO

Đầu tư của nước ngoài vào khu vực Đông Nam Á tăng nhanh đang thể hiện sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế của khu vực từ nền sản xuất nông nghiệp và khai khoáng cơ bản sang các

ngành sử dụng nhiều lao động như dệt may, máy móc,.. và dần trở thành công xưởng mới của thế giới. Khi nền kinh tế của mỗi quốc gia ngày càng phát triển, việc tiêu dùng của người dân trở thành mục tiêu chính và dẫn đến sự phát triển mạnh mẽ của ngành hàng tiêu dùng và dân sinh. Tuy nhiên, sự phát triển của các nước Đông Nam Á là rất khác nhau, khả năng thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI) cũng khác nhau, làm thế nào để thúc đẩy cân bằng khu vực là một chủ đề quan trọng mà các nước trong khu vực Đông Nam Á cần phải cùng nhau giải quyết. Bên cạnh đó, đối mặt với các áp lực từ bên ngoài và từ thị trường tài chính quốc tế ngày càng mạnh mẽ đang khuyến khích ASEAN cân nhắc việc chính thức hoá các mối liên kết với các nền kinh tế Đông Á lớn hơn như Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc. Điều này có thể sẽ ảnh hưởng đến mục tiêu kết nối khu vực hiện tại mà ASEAN đang xây dựng: hội nhập thành một thị trường duy nhất nhằm hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài. Điều này đi kèm với cả thách thức và cơ hội cho tất cả các quốc gia.

Những thách thức từ việc mở rộng ASEAN vẫn còn nhưng có thể bù đắp bằng những lợi thế về triển vọng hợp tác khu vực ngày càng sâu rộng. Một ASEAN mở rộng có thể tăng sức nặng ngoại giao và kinh tế trên trường quốc tế, tăng cường uy tín chiến lược của ASEAN và giúp ASEAN giải quyết các vấn đề khu vực hiệu quả hơn.